

Mật Tạng Bộ 2 - No 973 (Tr368 →Tr.376)

## TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH TU DU GIÀ PHÁP NGHI QUỸ \_QUYỀN THƯỢNG\_

Phạn Hán dịch: Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY dịch  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

### Phẩm Tựa Thứ Nhất: TÔN THẮNG CHÂN NGÔN

Kính lạy hết thầy Bạt Già Phạm  
Cùng **Kim Cang Bộ** (Vajra-kula) ở phương Đông  
Hùng mạnh **A Súc** (Akṣobhya), **Kim Cang Tạng** (Vajra-garbha)  
**Bảo Sanh** Như Lai (Ratna-sambhava), **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)  
**Đạt Ma Câu Ra** (Dharma-kula: Pháp Bộ), **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)  
**Quán Tự Tại Vương** (Avalokiteśvara-rāja) mắt hoa sen  
**Tỳ Thủ Yết Ma** (Viśva-karma), **Đại Mâu Ni** (Mahā-muṇi)  
**Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi), **Tát Đỏa Tôn** (Savtva-nātha)  
Bốn Ba La Mật, bốn Cúng Dường  
Tám Đại Phật Đảnh Chuyển Luân Vương  
Vì muốn tất cả người tu hành  
Mau thành Tôn Thắng Đại Tát Địa  
Ham thích **Không Tướng** nói Du Già  
Người cầu có tướng thì nói tướng  
**Có không** một Thể là **Đại Không**  
Do đó nay Ta nói tương ưng  
Chữ nghĩa quán rõ thật tường tri  
Ba loại Bát Nhã đồng một thể  
**Thân Khẩu Ý** là ba Môn Mật  
**Ứng, Hóa, Pháp Thân** là Tam mật  
**Năm Luân** tức là năm Trí Luân  
**Ngũ Trí** tức là năm phần thân  
Năm Luân nhiếp hết năm Pháp Giới  
Ba Mật tức chính là ba Thân  
Do đó nay Ta lễ **Du Già** (Yoga)  
Du Già tức là **Đại Nhật Tôn** (Vairocana-nātha)  
Cho nên nay Ta tu Du Già  
Vì lợi Pháp Giới các Hàm Thức.

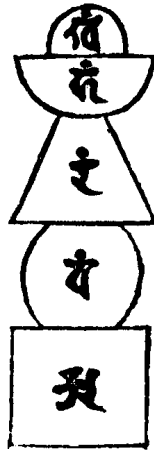
Nay Ta lược nói pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** trừ tất cả chướng, diệt tất cả các Thân nơi Địa Ngục, Bàng sanh, nên nghĩa **Tôn Thắng Phật Đảnh**. Do đó, Như Lai vì **Thiên Trụ Thiên Tử** nói trừ bảy lần làm thân súc sanh, tức là Pháp Du Già không đồng sự Pháp. Ở trong một niệm chứng vô chủ chuyển Năm Trí thành năm phần Pháp Thân, ngộ ba Mật là ba Thân. Khi mới phát Tâm thời có trăm sáu mươi thứ tâm, độ ba vô số kiếp tu hành, chứng **Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội Đa**, tức là lúc mới phát tâm thời thành Chánh Giác.





chữ A (𑖀 A) là Địa Đại.

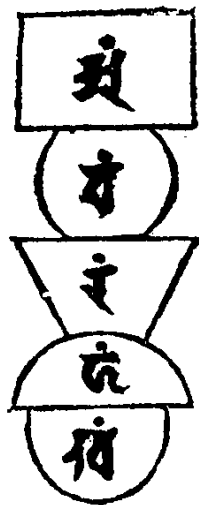
Kim Cương Luân ở dưới rốn, Đại Không Luân ở trên đảnh, Phong Luân ở trên My (lông mày), Hỏa Luân trên trái tim, Thủy Luân ở trong rốn.



Năm Uẩn, bốn Đại thành Kim Cang Bất Hoại, năm Uẩn gọi là **Vô Lộ Trí Thân**, còn gọi **Vô Vi Mạn Đà La Địa**, do Mạn Đà La năm Luân gia trì. **Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không** năm Đại Hữu Vi thành năm Đại Vô Vi. Do đó, quán tướng Mạn Đà La Địa, trước khởi **Không** lần lượt đến **Phong**. (Quán ngược đồ hình ở dưới)

𑖀 𑖁 𑖂 𑖃 𑖄

AM VAM RAM HAM KHAM



Dùng Tâm **Tịnh Pháp Giới** lúc trước đốt các uế ác ở trong **Địa Mạn Đà La** sau đó y trước sau an lập năm đại Luân, tức dùng Kết Giới, Hộ Thân, Tịch Trừ Quang Hiển, Tịnh Trừ Ba Nghiệp, Kiên Cố Tâm Bồ Đề ...v.v... sau đó lại nhập Kim Cang Tam Muội Da Chân Ngôn.

“**Úm, phạ nhật ra mãn đà, đát ra tra**”

𑖀 𑖁 𑖂 𑖃 𑖄 𑖅

OM VAJRA-BANDHA TRĀT

Kết như Ấn Kim Cang ở trên, nắm lại thành quyền an để nơi tâm. Khi để nơi tâm, từ từ mở tay ra, đây là kết Kim Cang Giới Ấn ba lần. Để nơi tâm xong, do Chân Ngôn và Ấn lực hay tịnh ba nghiệp, vững chắc Tâm Bồ Đề.

Lại ở chỗ trì tụng trừ các uế ác và các chướng.

Phàm khi dâng hương hoa, mật hương, đồ hương và các thứ cúng dường, trừ bỏ các uế ác, tăng trưởng sáng sủa. Tác Kim Cang Giới, kết các Phương Giới hộ thân và hộ chỗ ở như trên đã nói. Khi tu các việc đều nhất nhất tụng Chân Ngôn, tác Ấn gia trì mau được thành tựu không có các chướng nạn, nên dùng **Hàng Tam Thế Chân Ngôn** và Ấn gia trì hay thành biện các việc.

Hàng Tam Thế Chân Ngôn:

**“Úm, nịnh tam bà phạ nhật ra, hồng”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_NISUMBHA-VAJRA HŪM

Hàng Tam Thế Chân Ngôn, Thủ Ấn hay thành biện các việc vậy.

Hai tay nắm thành quyền, thẳng ngón Phong, co hai ngón Không (2 ngón cái) nhập vào lòng bàn tay, dùng các ngón Địa (ngón út), Thủy (ngón vô danh), Hỏa (ngón giữa) mà đề lên, dùng Định Ấn để nơi tim, Trí Ấn chạm xúc các vật và kết Địa Giới, bốn phương trên dưới. Xoay bên phải ba vòng tức thành Kết Giới.

### Phẩm Thứ Ba: TRIỆU THỈNH BỒN TÔN

Lại nữa, cần cảnh giác tất cả Chư Phật, tám Đại Bồ Tát, Phật Đảnh Luân Vương cùng Bốn Bộ Tôn tử trong Tam Muội nhìn ngó xem xét người tu Chân Ngôn, giáng đến Đạo Tràng.

Phát Sanh Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhật ra, để sắc tra”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_VAJRA TIṢṬA

Định Huệ (2 bàn tay) hai tay ngón Địa (2 ngón út) móc như cái khóa, ngón Không (ngón cái) nhập vào lòng bàn tay, dùng Thủy luân (ngón vô danh) và Hỏa luân (ngón giữa) đề Không luân (ngón cái), Phong phan (ngón trỏ) hướng tới dựa nhau, đưa chướng lên trên. Tụng Chân Ngôn, đem Ấn đưa từ dưới lên phát khởi Chư Tôn. Đây là Phát Sanh Ấn.

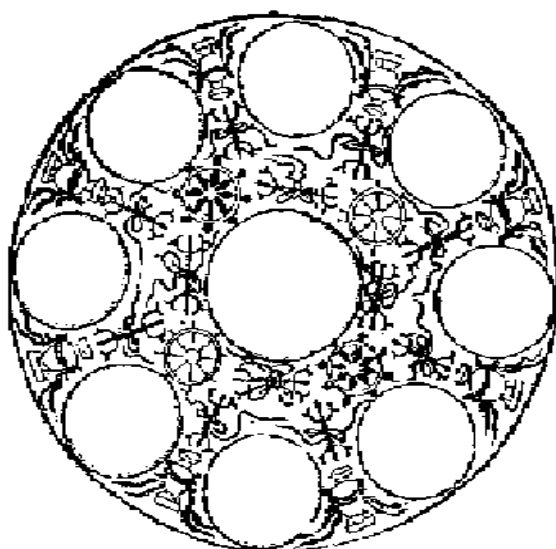
Lại thỉnh Bốn Tôn Ấn Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhật ra, tam man nhạ, nhạ”**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_VAJRA SAMAMJA JAḤ (?OM\_VAJRA-SAMAJA JAḤ)

Hai tay xoa nhau làm thành Kim Cang quyền, không mở quyền, dùng Trí Phong Luân (ngón trỏ phải) phát Trí Đại Không (ngón cái phải). Tay Định (tay trái) cũng vậy, như vậy ba lần bật tức thành Phụng Thỉnh chư Tôn. Tâm tưởng Bốn Tôn ở tại Đàn trong lầu các. Tưởng trong lầu các có sen báu, trên quán vòng tròn có chính vòng (luân) Kim Cang giới đạo, ở trong mỗi vòng có các Bốn Tôn (mỗi số là mỗi luân). Trong vòng tròn lớn chia ra làm chín vòng tròn nhỏ, tám bình báu, mười hai chày Kim Cang, bốn bánh xe báu. Trên tám miệng bình đựng tám chày Kim Cang. Bốn bánh xe bốn mặt là bốn chày Kim Cang, cỗ bình và chày đều có dây cột nơi cổ, bố trí quanh vòng lớn mỗi tọa của chín vị Thánh (ở giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai đầu đội mào báu Ngũ Trí, ngồi trên tòa có bảy sư tử, kết già phụ, kết Pháp Giới Ấn), còn các Chư Tôn nơi phẩm Mạn Đà La có chỉ đầy đủ.



Nghinh Thủ Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra cu xá, nhạ”**

ॐ वज्रकुश्रज

OM VAJRA-AMKUSA JAḤ

Dùng Hàng Tam Thế Ấn, hai ngón Phong (2 ngón trỏ) làm như Câu, động đậy tức thành Phụng Thủ. Cầu xin giáng lâm. Thủ nhập vào chỗ Đạo Tràng niệm tụng.

Thỉnh Nhập Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra bạt xá, hồng”**

ॐ वज्रपद्मे

OM VAJRA-PĀŚA HŪM

Kết Kim Cang Quyên, thẳng hai ngón Địa (2 ngón út), hai ngón Không (2 ngón cái) xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Phụng Thủ Nhập Tam Muội Da, y Thủ mà trụ.

Thỉnh Trụ Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra kiện tra, a”**

ॐ वज्रक्षेत्र

OM VAJRA-GHAMTA AḤ

Kết Kim Cang Quyên, thẳng hai ngón Địa (2 ngón út), hai ngón Không (2 ngón cái) xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Thủ triệu cho đến hoan hỷ khiến kiên cố.

Kiên Cố Chân Ngôn:

**“Úm, tát ra phạ đát tha nghiệt đa, tì phổ địa, nại lạc mãn, phạ nhựt ra, để sắt tra”**

ॐ सर्वतथागतैश्वर्याभिसम्बोधिर्द्रुधावज्रतिष्ठा

OM SARVA TATHĀGATA ABHISAMBODHI DRḌHA-VAJRA TIṢṬA

Trí Định (2 tay) chấp lại thật chặt.

Lại tưởng quán tây Bốn Tôn và tự thân.

Quán Đánh Chân Ngôn:

**“Úm, phạ nhựt ra nhược, ca tra”**

ॐ वज्र उदाका ठा हुम्

OM\_VAJRA-UDAKA THA HŪM

Bàn tay Định, Thủy luân và Không luân dựa nhau, bốn ngón kia thẳng, bung bình nước tưởng tắm gội Bốn Tôn, hoán tự thân nơi đánh, dâng hiến Ú Già tưởng quán Tôn Đánh. Dùng Ấn này tụng Chân Ngôn 7 biến.

Phẩm Thứ Tư:  
TU DU GIÀ PHỤNG HIẾN HƯƠNG HOA

Lại hiến hương, hoa, ẩm thực, đèn sáng ...v...v... dùng Bốn Chân Ngôn gia trì, dâng hiến.

Dâng Thiêu Hương Chân Ngôn:

“Úm, phạ nhật ra độ tệ”

ॐ वज्र वृष

OM\_VAJRA-DHUPE

Kết Kim Cang Quyền để trên lư hương, tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Hương báu chân thực tràn đầy khắp mười phương hư không Pháp Giới.

Hiến Hoa Chân Ngôn:

“Úm, phạ nhật ra phù sắc tệ”

ॐ वज्र पुष्प

OM\_VAJRA-PUSPE

Kim Cang Chướng gia trì, tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Hoa báu chân thật

Hiến Bảo Đăng Chân ngôn:

“Úm, phạ nhật ra địa tệ”

ॐ वज्र दीपक

OM\_VAJRA-ĀLOKE

Kết Kim Cang Quyền, thẳng hai ngón Không (2 ngón cái), để nơi tâm tụng Chân Ngôn 7 biến, tức thành Đèn báu thành tràn khắp Pháp Giới.

Hiến Đồ Hương Chân Ngôn:

“Úm, phạ nhật ra nga độ”

ॐ वज्र गन्ध

OM\_VAJRA-GANDHE

Hai tay úp lại, mở các ngón Không Trí (ngón cái Phải), đè ngón Không Định (ngón cái trái), tụng Chân Ngôn 7 biến.

Lại quy y Tam Bảo, phát lộ sám hối, tùy hỷ Công Đức, khuyến thỉnh, phát Tâm Bồ Đề, ngợi khen Phật Đức, phát nguyện cao cả.

\***Quy mạng Tam Bảo**: “Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng, quy y ba thân Vô Thượng của Như Lai. Quy y Phương Quảng Đại Thừa Pháp Tạng. Quy y tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát Tăng không thối chuyển”. Nên cần quy mạng Tam Bảo như vậy.

\* Lại cần **phát lộ sám hối**. “Từ vô thủy cho đến hôm nay phiền não ngăn che, trôi lăn trong sanh tử, ba nghiệp tạo ra vô biên tội chướng. Ngày nay thành tâm sám hối tất cả”. Sám hối như vậy, khiến các tội tiêu diệt.





Phẩm Thứ Năm:  
TU DU GIÀ NGŨ TRÍ

Lại nữa, người tu Du Già trụ trong Tâm Bồ Đề mau vào quán Tâm Bồ Đề Trí.

Quán Bồ Đề Chân Ngôn:

“**Úm, Bồ địa chất đa mâu đất bá na, dạ nhị**”

ॐ व(अस्र) श्रुस्रर द(अ)

OM\_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

Đây là Bồ Đề Tâm Chân Ngôn, còn gọi là Đại Viên Cảnh Trí, mau khiến phát Tâm Bồ Đề, vừa mới phát Tâm thời thành Chánh Giác, tức là *nghĩa của Pháp Thân*.

Lại nói Bình Đẳng Tánh Trí Chân Ngôn:

“**Úm, để sắc tra, phật chiết la**”

ॐ व(स्र) श्रु(अ) वृ

OM\_TIṢṬA VAJRA

Tụng Chân Ngôn này mau khiến Tâm Tánh không tán loạn tức là *nghĩa của Ứng Thân*.

Lại nói Thành Sở Tác Trí Chân Ngôn:

“**Úm, duệ tha, tát ra phạ đất tha nghiệt đa, sa đa tha ngân**”

ॐ द(अ) स्र(अ) श्रु(अ) व(अ) श्रु(अ) द(अ)

OM\_YATHA SARVA-TATHĀGATA STATHĀHAM

Lại nói Diệu Quan Sát Trí Chân Ngôn:

“**Úm, sa phạ bà phạ, truật độ ngân**”

ॐ स्र(अ) श्रु(अ) श्रु(अ) द(अ)

OM\_SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM

Đây là Diệu Quan Sát Trí, nghĩa là Ứng Thân, cũng là nghĩa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân*.

Lại nói Phương Tiện Cứu Cánh Trí Chân Ngôn:

“**Úm, tát ra phạ mộ ngân**”

ॐ स्र(अ) श्रु(अ) द(अ)

OM\_SARVA SAMA-UHAM

Đây là Phương Tiện Cứu Cánh Trí, nghĩa của Hóa Thân, ở trong môn tu học dùng phương tiện làm cứu cánh, tức là nghĩa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân*. Trong Thai Tạng, an ở năm phương.

Ngũ Trí Chân Ngôn Ấn: Định Huệ hai tay xoa nhau bên ngoài, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón Hỏa (2 ngón giữa), hai ngón Địa (2 ngón út) hợp nhau, hai ngón Phong (2 ngón trỏ) co lại vịn lưng tiết trên hai ngón hỏa (2 ngón giữa) cách hai ba phân. Hai ngón Không (2 ngón cái) thẳng hình như chày Kim Cang năm chia, Ấn này dùng cho Ngũ Trí. Sau lại dùng Đại Nhật Pháp Giới Ấn gia trì năm chỗ, tức thành đầy đủ 5 phần Pháp Thân, Vạn Đức Thân.

Pháp Giới Ấn: Hai tay kết Kim Cang quyền, tay Trí (tay phải) nắm ngón Phong (ngón trỏ) của tay Định, gia trì 5 chỗ, sau để nơi tâm. Thân ta tức là thân Tỳ Lô Giá Na, trên đầu có mao Ngũ Phật, tức là năm Đảnh Luân vương, đủ nghĩa Năm Trí.

Lại dùng Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Ấn gia trì năm chỗ.

Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Chân Ngôn:

“**Úm, độ rô hồng, hồng phẩn tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ TRŪM HŪM PHAT

Hai tay xoa nhau bên trong, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón giữa. Chân Ngôn Ấn này thông dụng cho tất cả việc, triệu thỉnh, phụng tống, kết giới, hộ thân.

Lại nói Căn Bản Ấn: Hai tay xoa nhau, bên ngoài chấp tay thành quyền, ngón Phong bên phải (ngón trở phải) co như câu, gia trì năm chỗ, tu Tăng Ích thì dùng ngón Phong bên trái (ngón trở trái) co như câu, làm Pháp Nhiếp triệu.

Lại trong Kinh nói: Hai tay chấp lại, ngón cái phải đè móng ngón cái trái, tu Túc Tai thì dùng.

Khi làm Pháp Hàng phục, dùng ngón cái trái đè móng ngón cái phải.

Cầm râu chuỗi trong lòng bàn tay để trên đảnh, để nơi tâm niệm tụng nhất nhất theo Bốn Pháp tương ứng, niệm tụng mau được thành tựu tất cả nguyện, trừ không chí tâm và làm các việc ác, khiến tự hại.

Phẩm Thứ Sáu:

TU DU GIÀ BỒN TÔN CHÂN NGÔN

Lại nữa, Ta nay lược nói Pháp tu Bốn Tôn Chân Ngôn. Mỗi tháng ngày rằm tự tụng hoặc nhờ tụng mãn một ngàn biến, hay trừ tất cả tai ương, tăng trưởng thọ mạng, Phước Đức; hoặc mỗi ngày ba thời quán Bốn Tôn nơi nguyệt luân, hoặc tưởng tự thân là Bốn Tôn nơi tâm nguyệt luân. Xoay vòng an bố Tôn Thắng Chân Ngôn như **Tự Luân hình** (chữ chạy theo vòng tròn). Khi trì tụng, tưởng màu sắc đều tương ứng, đều biến thành Mạn Đà La Thánh Chúng, tức tự thân là Tôn Thắng Phật Đảnh Pháp Giới Mạn Đà La.

BỒN TÔN TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHÂN NGÔN:

ॐ नमो भगवते

1\_ NAMO BHAGAVATE

Nam mô bực già bà đế

ॐ त्रैलोक्य

2\_ TRAILOKYA

Đát-lê lộ ca gia

ॐ प्रविशिष्य

3\_ PRATIVISIṢṬAYA

Bát-la để vĩ thủy sắt-tra gia

ॐ बुद्धाय

4\_ BUDDHĀYA

Bột đà gia

ॐ भगवते

5\_ BHAGAVATI

Bực già bà đế

ॐ ह्रीं

6\_ TADYATHĀ

Đát điệt tha

ॐ

7\_ OM

Úm

ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं

8\_ VIŚUDDHAYA VIŚUDDHAYA

Vi thú đà gia, vi thú đà gia

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

9\_ SAMA SAMA SAMANTA

Sa ma, sa ma, tam mãn đa

ॐ ह्रीं

10\_ VABHĀSA

Phộc bá sa

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

11\_ SPHARAṆA GATI GAHĀNA

Tát-phả la na, nghiệt đề, già ha na

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

12\_ SVABHAVA VIŚUDDHE

Tát phộc bà phộc, vĩ truật đề

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

13\_ ABHIṢIṂCA TVAMAM

A tỳ tru giả đồ ma-ám

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

14\_ SUGATA VARA VACANA

Tô nghiệt đa, phộc la, phộc giả na

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

15\_ AMRTA ABHIṢAIKAI

A mê-lật đa, tỳ sái kế

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

16\_ ĀHARA ĀHARA

A ha la, a ha la

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

17\_ ĀYU SANDHĀRAṆI

A dụ, tán đà la ni

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

18\_ ŚODHAYA ŚODHAYA

Du đà gia, du đà gia

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

19\_ GAGANA VIŚUDDHE

Già già na, vĩ truật đề

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

20\_ UṢṆĪṢA VIJAYA VIŚUDDHA

Ô sất-ni sa, vĩ xã gia, vĩ truật đề

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

- 21\_ SAHASRĀ RAŚMI SAṂSUDITE  
 Sa ha sa-la, la tháp-di , tán chú địa đế  
 स ह गणगण व र्ण नै
- 22\_ SARVA TATHĀGATĀVARUKANI  
 Tát bà đát tha nghiệt đā, phộc lô yết nễ  
 अक्षरिभग परिस्रिम
- 23\_ ŚAT-PARAMITA PARIPŪRAṆI  
 Sa tra-ba la mật đā, ba lị bố la ni  
 स ह गणगण क र्ण
- 24\_ SARVA TATHĀGATA-HRDAYA  
 Tát phộc đát tha nghiệt đā, hiệt-lị đà gia  
 अक्षरिभग
- 25\_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA  
 Địa sắt-tra na, địa sắt-xỉ đā  
 मन्त्र
- 26\_ MAHĀ-MUDRE  
 Ma ha mẫu điệt-lê  
 व र्ण नै
- 27\_ VAJRA-KĀYA  
 Phộc chiết-la, ca gia  
 अक्षरिभग
- 28\_ SAMHĀTANA VIŚUDDHE  
 Tăng ha đát na, vi truật đê  
 स ह व र्ण नै अक्षरिभग परिस्रिम
- 29\_ SARVĀVARAṆA BHAYA DURGATI PARIŚUDDHE  
 Tát bà phộc la noa, bà gia, đọt lậ-yết đế, ba lị truật đê  
 अक्षरिभग व र्ण नै
- 30\_ PRATINI VARTTAYA  
 Bát-la đế nễ, phộc lị-đā gia  
 मन्त्र: अक्षरिभग
- 31\_ AYUḤ ŚUDDHE  
 A dụ, truật đê  
 मन्त्र: अक्षरिभग
- 32\_ SAMAYA ADHIṢṬITE  
 Tam ma gia, địa sắt-xỉ đế  
 मन्त्र मन्त्र मन्त्र
- 33\_ MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
 Ma nễ, ma nễ, ma ha ma nễ  
 गणगण सुग
- 34\_ TATHĀTA BHŪTA  
 Đát đạt đā, bộ đā  
 नै परिस्रिम अक्षरिभग व र्ण नै
- 35\_ KOṬI PARIŚUDDHE VIŚPHOṬA BODHI ŚUDDHE  
 Cú tri, bả lị truật đê, vi tát-phổ tra, bột địa. Truật đê  
 नै नै
- 36\_ JAYA JAYA

Nhạ gia, nhạ gia

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

37\_ VIJAYA VIJAYA

Vi nhạ gia, vi nhạ gia

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

38\_ SMARA SMARA

Tát-ma la, tát-ma la

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

39\_ SARVA BUDDHA

Tát bà bột đà

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

40\_ ADHIṢṬITA ŚUDDHE

Địa sắt-xỉ đa, truật đề

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

41\_ VAJRĪ VAJRA-GARBHE

Phộc chiết-lê, phộc chiết-la nghiệt tỳ

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

42\_ VAJRĀṢ BHAVATU MAMA

**Phộc chiết lam, bà phộc đồ, ma ma** (*Tự xưng tên mình. Nếu vì người khác thì xưng tên họ của người ấy, nghĩa là tùy tương ứng trong bốn việc mà làm*)

𑀮𑀺𑀢𑀺

43\_ SYA

Tả

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

44\_ ŚARIRAM SARVA-SATVĀNĀMCA

Xả lị lam, tát phộc tát đỏa nẫm giả

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

45\_ KĀYA PARIVIŚUDDHE

Ca gia, ba lợi tỳ truật đề

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

46\_ SARVA-GATI PARISUDDHE

Tát bà nghiệt đề, ba lị truật đề

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

47\_ SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME SAMA ŚVASA YAṢTU \_ SARVA TATHĀGATA

**Tát bà đát tha nghiệt đa thất-giả, mê tam ma, thấp-phộc sa, diễm đồ. Tát phộc đát tha nghiệt đa**

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

48\_ SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

Tam ma, thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

49\_ BUDDHYA BUDDHYA

Bột diệt gia, bột diệt gia

𑀮𑀺𑀢𑀺 𑀮𑀺𑀢𑀺

50\_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Vi bộ đà gia, vi bộ đà gia

समंता परिसुद्धे

51\_ SAMANTA PARISUDDHE

Tam mạn đa, ba lị truật đề

सर्वं तथगतं हृदये

52\_ SARVA TATHĀGATA-HRDAYA

Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt-lị đà gia

अष्टनक्षत्रं

53\_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

Địa sắt-tra na, địa sắt-xỉ đa

महा मूढ्रे

54\_ MAHĀ-MUDRE

Ma ha mẫu điệt-lê

सुवाहा

55\_ SVĀHĀ

Sa-phộc ha

(Bôn Đà La Ni này Trung Thiên Trúc THIÊN VÔ ÚY đem qua Trung Quốc, sau lại có Ngài PHẬT ĐÀ BA LỢI lưu truyền, các bản đều thiếu. Đây là bản lưu truyền đầy đủ)

Niệm tụng tùy ý theo hơi thở hoặc tưởng an Bôn tôn nơi **tâm nguyệt luân** (vành trăng ở trái tim), nơi tự thân từ từ rộng lớn biến khắp Pháp giới. Dùng các chữ Chân Ngôn bố trí xung quanh nguyệt luân, tức phát nguyện rộng rãi hồi hướng cho tất cả Hữu tình, đem các thiện nghiệp ban cho chúng sanh khiến xa lìa các khổ Địa Ngục ...v...v... tùy hỷ các việc, nhất y như trên, sau đó tụng Chân Ngôn cầu các Thăng Nguyện đều được đầy đủ. Nguyện Hồi Hướng Chân Ngôn rằng:

**“Úm, tát ra phạ cu xá ra, mộ ra ninh, bát ra ninh độ dạ nhị, tát ra phạ cu xá ra, mộ la, tam ma đa, bát ra bán dá, đạt ra mãn đa, sa phạ bà phạ, tất địa dạ, ra nga năng đa duệ”**

Trì tụng Chân Ngôn xong, lại tưởng tiền đưa Bôn Tôn, giải Kim Cang Giới. Lại dùng Chơn Ngôn giải Giới:

**“Úm, phật chiết ra, mộ khát sa, mộ”**

ॐ वज्र मुक्शा मुः

OM\_ VAJRA-MUKṢA MUḤ

Hai tay xoa nhau thành Kim Cang Quyền, để lên đánh đây là giải tất cả các kết giới, cũng hay tiền đưa Bôn Tôn.

Từ đây về sau là các việc họa tượng, Hộ Ma, các Pháp sự.

• *Pháp thứ nhất:* Nếu người muốn được sống lâu không bị đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, A Tu La ...v...v... và tiêu trừ các tội nghiệp, mỗi thời chí tâm tụng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm Từ Bi thương xót hết thảy chúng sanh, tức được tiêu trừ các tội chướng trong các đường ác.

• *Pháp thứ hai:* Nếu có các loại La Sát, quỷ thần vào trong nước làm náo hại chúng sanh, xưng **“Nam mô Phật”**, chí tâm tụng Đà La Ni này 108 biến, các tai nạn trên đều được tiêu trừ.

• *Pháp thứ ba:* Nếu có người không tin, chế tâm một chỗ, chuyên tâm làm Pháp này, tức được đại nghiệm khiến kẻ kia khởi lòng tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm, tức có gió lớn thổi vào thân, trên thân có các ác nạn và đen xấu được gió kia thổi đến, thấy đều tiêu diệt.

- *Pháp thứ tư:* Nếu muốn làm Đại Tự Tại, trong 7 ngày đối bốn phương, mỗi phương tụng 108 biến, dùng 7 thứ hoa đắp thành hình người để ở 4 phương, tức được thành tựu các nguyện.
- *Pháp thứ năm:* Nếu muốn tiêu trừ các tội chướng nơi thân, tức ở 4 chân cửa thành làm Pháp như trên.
- *Pháp thứ sáu:* Nếu người muốn tiêu diệt các tội nặng trong đời trước, ở nơi ngã tư đường tụng chú.
- *Pháp thứ bảy:* Nếu người muốn tiêu các tội lỗi của chúng sanh, ở trước tháp Phật làm Pháp trên.
- *Pháp thứ tám:* Nếu người muốn cứu các tội khổ chúng sanh nơi Địa Ngục, mỗi ngày kết Phật Đảnh Ấn, tụng 21 biến, hướng bốn phương xả Ấn tức được.
- *Pháp thứ chín:* Nếu người muốn cho Ngạ quỷ được uống nước, lấy nước sạch gia trì 21 biến, tán rải bốn phương, trong tâm tưởng các loài Ngạ quỷ đều được uống nước đầy đủ.
- *Pháp thứ mười:* Nếu người muốn cứu các tội khổ của loài súc sanh, lấy đất vàng sạch gia trì 21 biến, rải trên thân súc sanh, và rải 4 phương, các tội khổ tức được tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười một:* Nếu người muốn cứu tội khổ của loài người, Trời, đọa lạc vào các chỗ khùng跛, lấy các thứ hoa đủ màu gia trì 21 biến vào 5 thứ nước nóng thơm, tắm rửa Phật và rải trên đảnh Phật, các nạn tức tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười ba:* Nếu Sa môn, Bà La Môn, Tỳ xá, Thủ Đà 4 chúng muốn được phước báo đầy đủ, mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng chú 7 biến, đem công đức hồi thí cho tất cả chúng sanh, làm Pháp này tức được như nguyện.
- *Pháp thứ mười bốn:* Nếu người muốn tiêu trừ nghiệp chướng cho tất cả chúng sanh, dùng lụa 5 màu làm các phát, gia trì chú nơi phát để phát tượng và kinh, thường làm Pháp này khiến tội nghiệp chúng sanh được tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười lăm:* Nếu bị khẩu thiệt, lấy mật đựng trong đồ sạch, dùng châu sa hòa mật, gia trì 21 biến, đem bôi nơi miệng Phật tượng, khẩu thiệt tức tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười sáu:* Nếu người bị bệnh nằm liệt giường, hoặc muốn được chúng sanh ái trọng, hoặc muốn cứu các việc Thế gian, Xuất Thế gian, tâm chưa quyết định, bị Quỷ thần làm não loạn sanh ra vọng tưởng điên đảo, dùng trăm tám miếng vàng lá, gia trì Chân Ngôn 21 biến, đem dán nơi đảnh tượng Phật, làm hình châu Ma ni các việc, tức được tiêu trừ, cầu gì đều được.
- *Pháp thứ mười bảy:* Nếu ở trong nước bị Quỷ làm bệnh, các bệnh thời khí tất dịch, nơi trên bốn cửa thành dùng vải xanh viết Chân Ngôn, dùng gỗ Bạch Đàn hương làm một cái tráp đựng, dùng sáp gắn lại đem treo 4 cửa thành, dùng lọng năm màu che trên, tất cả Quỷ Thần, tật bệnh đều tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười tám:* Nếu trong nước năm thứ lúa bị mất mùa, mưa gió không đều, dùng lụa trắng làm cái phướng viết Chân Ngôn trên đó và vẽ Phật Đảnh Ấn treo cao trăm tám thước ở hướng chánh Nam, tức được mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, nhân dân an lạc, Rồng ác chuyển tâm, vua A Tu La không làm chướng ngại.
- *Pháp thứ mười chín:* Nếu mưa lớn không dứt dùng lụa vẽ Chân Ngôn 21 tấm, treo hướng chánh Nam của đất nước, mưa tức dừng.
- *Pháp thứ hai mươi:* Nếu trong nước có giặc giã, dùng vải xanh viết Chân Ngôn 21 bức, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiện Trụ**, hao tay cầm cung tên, đem treo ở hướng chánh Đông, ác giặc tự nhiên tan rã.

- *Pháp thứ hai mươi mốt:* Nếu quốc vương sắp bị các tai nạn, nên dùng các vật tạo trăm tám cái tháp Phật, dùng lá vàng bạc dán và viết Chân Ngôn trong **tượng luân** (tháp), đem để trong tháp, tức được tiêu trừ các tai họa, tăng các phước đức.

- *Pháp thứ hai mươi hai:* Nếu kẻ giàu người nghèo muốn hộ mình, hộ người, cầu tài bảo xứng ý, nên khởi lòng lành, không tán loạn, mỗi ngày mỗi thời trước Phật kết ấn tụng chú 7 biến, nhìn ngắm mặt tượng, mắt không nháy, làm Pháp này tức được phước đức tăng trưởng, sống lâu không đọa ác đạo.

- *Pháp thứ hai mươi ba:* Nếu có người nữ muốn cầu con trai, con gái, trong trăm ngày đem các đồ ăn uống ngon ngọt thí cho kẻ nghèo, kẻ bệnh, lúc cho miệng tụng Chân Ngôn không ngắt, làm Pháp như vậy tức được sanh con trai, con gái phước đức.

- *Pháp thứ hai bốn:* Nếu vợ chồng không hòa thuận, lấy vải gia trì Chân Ngôn 21 biến, đem may áo cho vợ chồng mặc, tức được hòa thuận.

- *Pháp thứ hai lăm:* Nếu người nữ không có chồng, lấy muối sạch không kẻ nhiều ít gia trì 21 biến, đem cúng Hiền Tăng, tức được.

- *Pháp thứ hai sáu:* Nếu có ngoại đạo, quốc vương, vương tử, đại thần, trăm quan không tin Phật Pháp, lấy sữa ba con bò vàng không tật bệnh, tụng Chân Ngôn gia trì nước 21 biến, cho bò uống. Mặt trời vừa mọc đem sữa đựng trong đồ bằng bạc gia trì 21 biến, đem tán rải nơi đất sạch bốn phương. Người cầm sữa này phải mặc đồ trắng, miệng nói: **“Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Thiên Đế Thích nay có việc cần phải làm đở”**. Sau đó vào thành, quốc vương, vương tử, bá quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp, thấy Hành Giả đều vô cùng hoan hỷ, nói gì đều tin theo, được lòng tin không thay đổi.

- *Pháp thứ hai bảy:* Nếu nơi chỗ ở có các ác quỷ thần, ác độc long ...v...v... Hành giả muốn hàng phục, dùng sữa bò gia trì 21 biến, đem rải trong ao có rồng, rồng tức hiện lại, Hành giả bảo rằng: **“Người không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này”**, tức an trí rồng ở một chỗ. Nếu không lại và không ngừng việc ác, tức tụng Chân Ngôn gia trì cát 21 biến rải nơi ao, ao tức cạn khô. Hành Giả đem Rồng đi an trí nơi khác. Nếu là Quỷ Thần ác, Hành Giả gia trì đồ ăn uống 21 biến, thí cho họ và bảo rằng: **“Nếu các người không làm tổn hại chúng sanh thì được ở, nếu trái lại tức phải đi nơi khác”**. Nếu Quỷ Thần không chịu liền dùng cây sắt dài 12 chỉ, gia trì 21 biến, đóng nơi đất, Quỷ Thần ác liền bỏ chạy, Hành Giả an trí Quỷ Thần ở một chỗ, không cho đi đâu.

- *Pháp thứ hai tám:* Hành Giả mỗi khi muốn đi đâu, làm một cái phát trắng gia trì trăm tám biến, cầm nơi tay mà đi. Nếu gặp các loài Súc sanh, dùng phát phủi một cái, các loài đó được xa lìa các khổ, ác nghiệp được giải thoát.

- *Pháp thứ hai chín:* Nếu muốn cho tiên vong xa lìa khổ được giải thoát, Hành Giả ngồi nơi rừng Thi Đà 7 ngày, ngày ba thời tụng Chân Ngôn nhiều ít. Mãn 7 ngày xong, lấy đất nơi chỗ ngồi mà rải, các vong tức xa lìa các khổ, được giải thoát, sanh lên cõi Trời, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

- *Pháp thứ ba mươi:* Nếu có người làm ăn buôn bán ế ẩm, cầu gì không được. Hành giả kết Ấn tụng Chú 21 biến, an trí hình tượng Thiện Trụ nơi bí mật cúng dường, tức được thành tựu việc cầu.

- *Pháp thứ ba mốt:* Nếu có người đi vào trong rừng núi muốn phòng hổ lang, sư tử, độc xà thú, trước khi vào ở nơi cửa núi tụng chú 21 biến, gia trì nơi đất vàng 7 biến, ngậm nơi miệng thổi ào trong núi rừng, bảo rằng: **“Tất cả các loài, độc dữ trong núi đều tiêu, đất này là của ta, nếu y theo ta thì được ở, nếu không vâng lệnh ta thì mau đi chỗ khác, nếu không đi miệng bị cấm bế mở ra không được”**. Hành Giả



thấy hổ lang, sư tử, các cầm thú không há miệng được tức bảo đi. Nếu không đi, Hành Giả thấy chúng mở miệng ra tức hội chúng lại một chỗ, dùng tay phải xoa nơi đầu chúng gia trì 21 biến bảo rằng: **“Ta khiến các người được mở miệng, đi ra và giữ gìn vùng đất này, không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này”**. Hành Giả đuổi chúng xong. Hành giả ở trong núi chừng hai tháng, không được đi nơi đây đó và ở lâu, khiến các cầm thú không được an ổn.

- *Pháp thứ ba hai:* Nếu trong núi có các Quỷ Thần, Rồng không muốn cho Hành Giả ở ẩn trong núi, Hành Giả biết vậy tức y theo Pháp phân chia bảo rằng: **“Ta muốn ở chỗ này, cần các người đồng ý, nếu như không bằng lòng cho ta cùng ở, các người phải đi ra khỏi ba trăm do tuần. Nếu không chịu nghe theo, ta sẽ cấm các người không biết Đông Tây ở mãi một chỗ”**. Liền dùng cây sắt dài 12 chỉ, gia trì trăm tám biến, thì các loại kia liền đi khỏi trăm do tuần an ở.

- *Pháp thứ ba ba:* Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cấm chế, cột trời khiến trong nước không mưa, Hành Giả ở nơi có Rồng, làm một **tiểu đàn** dùng cây dâu làm tám cái then để giữa đàn, để ba chén sữa, lạc để trên đàn. Gia trì sữa lạc và then trăm tám biến, đem theo đóng bốn phương tám hướng của ao Rồng, dùng bơ lạc rải xuống ao, lại lấy vàng lá gia trì dán lên lá sen trong ao bảo rằng: **“Thiện Tri Thức bị ách nạn, Ngoại Đạo cột trời, nay ta làm Pháp này dùng Đà La Ni giúp người được thoát, khiến cho Pháp và Chân Ngôn trôi theo nước”**. Hành Giả thổi ba hơi thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo tức bị tiêu, Rồng được giải thoát các nạn, hiện lại cúng dường Hành Giả thưa rằng: **“Ngài cần bảo việc gì?”**. Hành Giả đáp: **“Ông nên theo thời tiết làm mưa, đem Đà La Ni an trí nơi đánh, từ đây về sau ông không còn bị nạn nữa”**.

- *Pháp thứ ba bốn:* Nếu như có mưa lụt lớn làm tổn hại người, tụng Chân ngôn gia trì trong nước 21 biến, đem đổ nơi nước lụt, tức không hại người.

## Phẩm Thứ Sáu: TU DU HỌA TƯỢNG

Nay Ta lại nói tu Du Già, **Hữu Tướng Vô Tướng** mau thành Tất Địa, chỉ có khác trong ngoài thôi. Tướng Pháp bên ngoài là trước cần vẽ tượng, chọn lựa ngày tháng tốt, buổi sáng bắt đầu vẽ, tháng tốt là tháng giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, mười hai, đây là các tháng tốt. Ngày tốt là: ngày nhật nguyệt thực, ngày động đất, ngày Quỷ Tú, đây là những ngày tốt nhất; hoặc ngày rằm, ngày hai ba. Chọn ngày tháng xong, kê thợ vẽ tám gôi, thợ Tam Muội Da giới, hoặc thợ Pháp Quán Đánh, mỗi khi ra vào cần tắm rửa thay quần áo, ăn ba món Bạch thực, không ăn các món ế ác, không trả giá cả, dùng vải lụa trắng mà vẽ như trong Pháp họa tượng, y theo đồ tượng, lớn nhỏ tùy ý.

Nơi trung tâm vẽ vòng tròn lớn màu trắng, vòng tròn lớn chia ra làm chín vòng nhỏ, một vòng ở giữa, tám vòng tám hướng, tám hướng có tám bình báu, trong miệng bình để các hoa thơm, trên để chày Kim Cang ba chia, bốn góc nơi vòng tròn ở giữa để bốn Bảo luân (bánh xe báu), nơi trên để chày Kim Cang đứng. Cổ bình và chày đều cột các dây lụa để thông xuống.

Nơi vòng tròn ở giữa vẽ Phật **Tỳ Lô Giá Na**, đầu đội mào Ngũ Phật, có các hoa báu, ngồi kết già phu trên toà, có bảy sư tử, tay kết Pháp Giới Ấn.

Trong vòng tròn bên trái vẽ **Bạch Tán Cái Phật Đánh Luân Vương**, đầu đội mào báu ngũ Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để bạch tán cái (cái lọng trắng), tay phải đưa lên, ngồi bán già, quanh thân có hào quang năm màu.

Vòng tròn bên phải vẽ **Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương** đầu đội mào Ngũ Trí, các món trang nghiêm, quanh thân hào quang đủ màu bao bọc, tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có bánh xe báu tám cãm, tay trái dơ lên, ngòai kết già phu trên toà sen.

Chỗ vòng tròn phía trước, vẽ **Tôn Thắng Phật Đảnh** còn gọi là **Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương** ngòai kết già phu trên đài sen, thân màu da thịt (bạch nhục) trắng, hai tay để dưới rún như đang nhập định, tay bung hoa sen có Kim Cang Câu như luân vương, Ở trên đầu đội mào Ngũ Trí, các món trang nghiêm đều như vậy, thầy đều ngòai trên hoa sen trắng.

Vòng tròn phía sau Đức Tỳ Lô vẽ **Phóng Quang Phật Đảnh**, còn gọi là **Quang Tụ Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen hình Phật Đảnh ấn, trên đảnh phóng quang, đầu đội mào năm trí báu quang minh, trang nghiêm như trên, tay phải dơ bàn tay lên.

Bên trái của Tôn Thắng Phật Đảnh, trong vòng tròn vẽ **Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm đao, tay phải giơ bàn tay lên, áo mào, trang sức như các vị trên.

Trong vòng tròn bên phải Tôn Thắng Phật Đảnh vẽ **Quảng Sanh Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm chày Kim Cang, tay phải đưa bàn tay lên, áo mào trang sức ...v...v... đều như trên.

Vòng tròn bên phải Quang Tụ Phật Đảnh vẽ **Vô Biên Thanh Phật Đảnh Vương**, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có Thương khư (ốc tù và) tay trái đưa bàn tay lên mào, trang nghiêm ...v...v... như trên.

Vòng bên trái Quang Tụ Phật Đảnh vẽ **Phát Sanh Phật Đảnh Luân Vương**, tay trái cầm hoa sen nở, tay phải để nơi gối phải, hào quang áo mào trang nghiêm y trên, các Vị đều có mặt mày từ bi.

Piá dưới, bên trái vẽ **Hàng Tam Thế** trong nửa vòng tròn, đứng một chân như đang chạy, thân màu xanh có nanh nhe ra nơi miệng, có bốn tay, hai tay kết Tam Muội Da ấn, một tay kết Tâm ấn, một tay cầm chày Kim Cang.

Bên phải trong hình tam giác màu lửa cháy, vẽ **Bất Động** ngòai bán già trên cục đá, trợn một mắt, một mắt liếc về phía trái, tóc màu đỏ thông một búi ở bên trái, thân như đồng tử, một tay cầm kiếm, một tay cầm quyền sách.

Ở giữa hai Minh Vương vẽ Hành Giả, trước mặt để lư hương, trên tượng vẽ lọng báu, hai bên vẽ 6 vị Trời Thủ Đà Hội cỡi mây hiện ra nửa thân, bung hương, hoa, nhất nhất y như trên.

Hoặc như quán tượng ở ngoài Hành Giả, tướng thân mình là Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na biến khắp Pháp giới đồng một thể tướng không khác.

Nay Ta lược nói Pháp quán tượng và họa tượng xong.

Phàm người muốn làm Pháp thọ trì Thần chú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, trước cần họa tượng.

**Pháp họa tượng:** Dùng lụa tốt màu trắng cao một trượng, màu sắc vẽ không được dùng keo da mà dùng các chất keo thơm sách, họa sĩ phải thanh tịnh không ăn mặn, ngũ tân (thịt cá, các thứ cay hôi). Ngày mùng một bắt đầu, trong 7 ngày phải vẽ xong. Trước vẽ núi Cam Lộ, trong núi có cây cối, hoa quả, chim thú, sông suối, trong có hang Thiên định, trong hang vẽ Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngòai kết già phu, bên phải vẽ **Thiên Đế Thích** và các quyền thuộc vây quanh, bên trái vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiện Trụ**, dung mạo trang sức như hình Bồ Tát, đầu tóc áo mào các thứ trang nghiêm cũng như vậy. Tay trái cầm quạt, tay phải cầm gậy và vẽ các quyền thuộc Càn Thát Bà vây quanh Thiện Trụ ca hát ...v...v... Bên phải Phật vẽ **bốn Thiên Vương** và quyền

thuộc, phía trái Phật vẽ **Phạm Thiên Vương** và các **Ma Vương** cùng các quyền thuộc, vẽ xong lập Đàn thọ Pháp.

**Pháp làm Đàn:** “Trước cần chọn đất sạch không có gạch đá, dùng năm thứ nước thơm hòa đất sạch làm bùn, dùng đất vuông một trượng nơi giữa đàn vuông vức một khuỷu. Ở giữa làm Phật Đảnh màu xanh, nơi bốn mặt Đàn an để đồ ăn uống, chia làm bảy phần. Bốn bên để bốn lư hương, đốt các thứ hương thơm cửa phía Nam để một bình bằng đồng đựng đầy nước thơm. Phía Đông để tòa Đế Thích. Phía Bắc để tòa Càn Thát Bà Thiên Trụ, phía Tây tòa của Hành Giả, mặt xoay về Đông. Tượng Phật ở hướng Đông, mặt xây về Tây. Lại dùng vải năm màu làm phướng treo. Bốn bên ngoài Đàn, an để năm chén đàn, một chén ở giữa cao, bốn chén để bốn góc dưới như hình cái tháp. Trong Đạo tràng, tán rải các thứ hoa, và các vật cúng dường an trí ngoài Đàn. Ở trong Đàn bảy ngày tụng chú mẫn vạn biến, Phật Đảnh phóng hào quang. Chú Su trong 7 ngày cần phải phát lồ sám hối, khởi lòng Đại Bi, phát nguyện rộng lớn, cầu không thối chuyển. Được như vậy tức biết thành tựu, không còn nghi ngờ.

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHƠN NGÔN DU GIÀ PHÁP  
\_QUYỂN THƯỢNG (Hết)\_

Đây là bản Phạn Văn của chùa Linh Vân. So với Bản trước thì có vài sự sai khác nên chúng tôi xin dịch âm để cùng tham khảo

नमो भगवते त्रैलोक्ये प्रविविषिष्ठाय बुद्धाय नमो भगवते  
NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVISIṢṬAYA BUDDHĀYA  
BHAGAVATE  
तद्यथा ॐ  
TADYATHĀ: OM  
विशुद्धय २  
VIŚUDDHAYA VIŚUDDHAYA  
समं समं वदन्  
SAMA SAMA SAMANTA VAHĀSA  
स्फुरन् गति गहनं  
SPHARAṆA GATI GAHANA  
अभिषिक्तं तुम्  
ABHIṢIMCA TUMAM  
सुगतं वरं वचनं  
SUGATA VARA VACANA  
अमृतं अमृतं मन् वचनं  
AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHĀ- VANTRA-PADAI  
गगनं २  
AHARA AHARA  
आयुं सन्धारणं  
ĀYU SANDHĀRAṆI  
शुद्धय २  
ŚODDHAYA ŚODDHAYA  
गगनं विशुद्धं  
GAGANA VIŚUDDHE

࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 UṢNĪṢA-VIJAYA VIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SAHASRA RAŚMI SAṢSUDITE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA TATHĀGATĀVARUKAṆI  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SAṬ-PĀRAMITA PARIPŪRAṆI  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬINA ADHIṢṬITA  
 ࠘࠘࠘࠘  
 MAHĀ-MUDRA  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 VAJRA-KĀYA SAṢHĀTANA VIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA AVARAṆA BHAYA DRARGATI PARIVIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 PRATINI VARTTAYA  
 ࠘࠘࠘࠘  
 AYUḤ ŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘  
 SAMĀYA ADHIṢṬITE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 TATHĀTA-BHŪTA KOṬI PARIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 VISPHOṬA BODHI ŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 JAYA JAYA\_ VIJAYA VIJAYA  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SMARA SMARA  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 VAJRĪ BHAVATU MAMA  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 ŚARARAṢ SARVA-SATVĀNĀṢCA-KĀYA PARIVIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA GATI PARIVIŚUDDHE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA TATHĀGATA-ŚCA ME-SAMĀ ŚAVASA YAṢTU  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘  
 SARVA TATHĀGATA-SAMĀ ŚVASA ADHIṢṬITE  
 ࠘࠘࠘࠘ ࠘࠘࠘࠘

BUDDHYA BUDDHYA \_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA  
बुद्धयश्च विबुद्धयश्च  
BODHAYA BODHAYA \_ VIBODHAYA VIBODHAYA  
समन्तं परिसुद्धं  
SAMANTA PARA'SUDDHE  
सर्वं तथगतं हृदयधिशतानाधिशताना  
SARVA TATHĀGATA-HRDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA  
महामुद्रे  
MAHĀ-MUDRE  
सुद्धं  
SVĀHĀ